



PHIẾU KHẢO SÁT

DÀNH CHO CÁC TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH/HTX

Về thực tế thực thi, vận dụng và vướng mắc về các Hiệp định thương mại tự do (FTAs)

Thưa các Quý Ông/Bà,

Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng trân trọng cảm ơn Quý Tổ chức, Doanh nghiệp/Hộ kinh doanh/HTX trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã tham gia cùng chúng tôi trong Khảo sát này.

Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng tiến hành triển khai thực hiện khảo sát thực tế các Tổ chức, Doanh nghiệp/Hộ kinh doanh/HTX (Đơn vị) trên địa bàn tỉnh về hiểu biết đối với các cam kết của Việt Nam trong các FTA nói chung và các FTA thế hệ mới nói riêng.

Kết quả khảo sát được sử dụng để phục vụ mục đích nghiên cứu, dự báo, đề ra các biện pháp đồng hành, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người dân trên địa bàn tỉnh về hội nhập quốc tế, tận dụng tối đa cơ hội hội nhập quốc tế để phát huy lợi thế của địa phương góp phần đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội mà Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI đề ra.

Sẽ cần khoảng 15-20 phút để trả lời Phiếu Khảo sát này. Tất cả thông tin trong Phiếu Khảo sát sẽ được sử dụng duy nhất cho mục đích thống kê - nghiên cứu và được bảo mật hoàn toàn.

Sự giúp đỡ và hỗ trợ của Quý Ông, Bà có ý nghĩa thiết thực đối với địa phương.



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tổ chức, Doanh nghiệp/Hộ kinh doanh/HTX (Đơn vị)

Tên:

Địa chỉ:

MST:

Năm thành lập:

Số điện thoại:Fax:

Email:Website:

2. Người trả lời Phiếu khảo sát:

Họ và tên:

Chức vụ:

Số điện thoại:Email:.....

3. Đơn vị đang thực hiện hoạt động [có thể chọn đồng thời]

☐ Xuất khẩu
☐ Nhập khẩu
☐ Sản xuất
☐ Kinh doanh khác, cụ thể (mặt hàng, dịch vụ):

4. Về **sản phẩm**, các nhóm hàng hóa/dịch vụ chính của Đơn vị bạn là gì?

(Vui lòng liệt kê tối đa 03 nhóm sản phẩm tạo doanh thu lớn nhất)

.....

.....

.....

5. Nhà **cung cấp/cung ứng** chủ yếu (chiếm từ 20% chi phí nguyên vật liệu, dữ liệu... đầu vào trở lên) của Đơn vị bạn trong năm 2022-2023 là ai?

(Vui lòng đánh dấu vào một/các lựa chọn phù hợp)

☐ Doanh nghiệp 100% vốn tư nhân trong nước

☐ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước

☐ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (100% vốn nước ngoài, liên doanh)

☐ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác (doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, hợp tác xã, hộ kinh doanh....)

☐ Nhà cung cấp ở nước ngoài



☐ Tự cung ứng

☐ Khác:

6. Số nhân viên của Đơn vị đến năm 2023 là:

☐ < 10

☐ 10 – 200

☐ 200 – 500

☐ > 500

7. Loại hình sở hữu

☐ Doanh nghiệp nhà nước

☐ Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài

☐ Doanh nghiệp liên doanh

☐ Hợp tác xã

☐ Doanh nghiệp cổ phần

☐ Doanh nghiệp TNHH

☐ Hộ kinh doanh

☐ Khác, ghi rõ

8. Lĩnh vực kinh doanh chính của Đơn vị

☐ Công nghiệp chế tạo, chế biến

☐ Khai khoáng

☐ Thương mại dịch vụ

☐ Thương mại thuần túy (mua, bán hàng hóa)

☐ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

☐ Xây dựng



9. Đơn vị của Ông/Bà có tham gia kênh kinh doanh trực tuyến sử dụng nền tảng công nghệ thông tin không?

☐ Có
☐ Không

10. Tình hình sản xuất kinh doanh 2022-2023 của Đơn vị:

	2022	2023
Tốt hơn năm trước nhiều	☐	☐
Tốt hơn năm trước chút ít	☐	☐
Tương tự năm trước	☐	☐
Khó khăn hơn năm trước chút ít	☐	☐
Khó khăn hơn năm trước nhiều	☐	☐

II. TÌNH HÌNH THỰC THI VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH/HTX VỀ FTA

Việt Nam hiện đã ký kết và thực hiện 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA) trong đó có Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu 27 nước (EVFTA); Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), FTA giữa Việt Nam với Vương quốc Anh và Bắc Ailen (UKVFTA), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực ASEAN+5 (RCEP), FTA trong ASEAN (ATIGA), các FTA song phương với Nhật Bản (VJEPA), Hàn Quốc (VKFTA), Chile (VCFTA), các FTA giữa ASEAN với các đối tác Trung Quốc (ACFTA), Ấn Độ (AIFTA), ...; mới ký kết FTA với Isarel (VIFTA- tháng 7/2023, chưa có hiệu lực) và đang đàm phán 03 FTA khác.

Các câu hỏi ở phần tiếp theo nhằm tìm hiểu mức độ hiểu biết, quan tâm và đánh giá chung của Quý Ông/Bà về các tác động đã có của các FTA nói chung với Đơn vị của bạn; các lợi ích, thiệt hại thực tế từ FTA (phần II) và kỳ vọng của Đơn vị với các FTA trong giai đoạn sắp tới nhằm hỗ trợ Đơn vị đối phó với những khó khăn hậu COVID-19 và các diễn biến bất lợi về chuỗi cung ứng, logistics, khủng hoảng năng lượng, chiến sự ở Ukraine.... (phần III).



A. ĐÁNH GIÁ HIỂU BIẾT CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH/HTX VỀ CÁC FTA

11. Ông/Bà có biết về các **cam kết của các FTA** liên quan tới hoạt động của đơn vị mình không?

(Vui lòng đánh dấu (X) vào 01 lựa chọn phù hợp ở mỗi dòng)

FTA	Không biết	Có nghe nói	Biết sơ bộ	Biết khá rõ	Biết rất rõ
1. EVFTA (FTA VN-27 nước EU)					
2. CPTPP (VN+10)					
3. RCEP (ASEAN+5)					
4. UKVFTA (FTA VN-Anh)					
5. EAEUFTA (VN-Liên minh Kinh tế Á-Âu)					
6. VCFTA (FTA VN- Chile)					
7. Các FTA ASEAN (ATIGA, AFAS, ACIA)					
8. ACFTA (FTA ASEAN- Trung Quốc)					
9. AIFTA (FTA ASEAN- Ấn Độ)					
10. AANZFTA (FTA ASEAN- Australia-New Zealand)					
11. AJCEP (FTA ASEAN- Nhật Bản)					



12. VJEPA (FTA VN-Nhật Bản)					
13. AKFTA (FTA ASEAN- Hàn Quốc)					
14. VKFTA (FTA VN-Hàn Quốc)					
15. AHKFTA (FTA ASEAN- HONGKONG)					
16. VIFTA (FTA VN – Israel: Đã ký chưa có hiệu lực)					
17-19. Các FTA đang đàm phán (Asean- Canada/VN- EFTA/VN- UAE)					

12. Nội dung nào sau đây của FTA mà Ông/Bà quan tâm nhất (Có thể chọn đồng thời nhiều phương án hoặc có ý kiến khác)

- ☐ Cam kết về đòi xú quốc gia và mở cửa thị trường hàng hóa (lộ trình cắt giảm thuế quan)
- ☐ Quy tắc xuất xứ hàng hóa
- ☐ Hải quan và tạo thuận lợi thương mại
- ☐ Thương mại và phát triển bền vững (lao động, bảo vệ môi trường, ...)
- ☐ Sở hữu trí tuệ
- ☐ Phòng vệ thương mại
- ☐ Hàng rào kỹ thuật đối với TM (TBT) và các biên pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS)
- ☐ Đầu tư và TM xuyên biên giới
- ☐ Thương mại điện tử
- ☐ Mua sắm chính phủ
- ☐ Nội dung khác:



13. Ông/Bà có biết các tiêu chuẩn và thỏa thuận đa phương về lao động của EVFTA/CPTPP

(Vui lòng đánh dấu (X) vào ô thích hợp sau đây)

- ☐ Chưa biết các tiêu chuẩn và thỏa thuận đa phương về lao động
- ☐ Đã biết các tiêu chuẩn và thỏa thuận đa phương về lao động

Nếu lựa chọn trường hợp này, vui lòng cho biết đơn vị có thể đáp ứng được các tiêu chuẩn và thỏa thuận đa phương về lao động của EVFTA/CPTPP hay không ?

(Vui lòng đánh dấu (X) vào ô thích hợp sau đây)

- ☐ Đáp ứng các tiêu chuẩn và thỏa thuận đa phương về lao động
- ☐ Chưa đáp ứng các tiêu chuẩn và thỏa thuận đa phương về lao động

14. Ông/Bà có biết cam kết về môi trường của EVFTA/CPTPP

(Vui lòng đánh dấu (X) vào ô thích hợp sau đây)

- ☐ Chưa biết cam kết về môi trường
- ☐ Đã biết cam kết về môi trường

Nếu lựa chọn trường hợp này, vui lòng cho biết đơn vị có thể đáp ứng được cam kết về môi trường của EVFTA/CPTPP hay không ?

(Vui lòng đánh dấu (X) vào ô thích hợp sau đây)

- ☐ Đáp ứng cam kết về môi trường
- ☐ Chưa đáp ứng cam kết về môi trường

15. Ông/Bà có biết cam kết thực thi hiệu quả về biến đổi khí hậu của EVFTA/CPTPP

(Vui lòng đánh dấu (X) vào ô thích hợp sau đây)

- ☐ Chưa biết cam kết thực thi hiệu quả về biến đổi khí hậu
- ☐ Đã biết cam kết thực thi hiệu quả về biến đổi khí hậu

Nếu lựa chọn trường hợp này, vui lòng cho biết đơn vị có thể đáp ứng được cam kết thực thi hiệu quả về biến đổi khí hậu của EVFTA hay không ?

(Vui lòng đánh dấu ☐ vào ô thích hợp sau đây)

- ☐ Đáp ứng cam kết thực thi hiệu quả về biến đổi khí hậu
- ☐ Chưa đáp ứng cam kết thực thi hiệu quả về biến đổi khí hậu

16. Ông/Bà có biết cam kết về đa dạng sinh học của EVFTA/CPTPP

(Vui lòng đánh dấu (X) vào ô thích hợp sau đây)

- ☐ Chưa biết cam kết về đa dạng sinh học
- ☐ Đã biết cam kết về đa dạng sinh học

Nếu lựa chọn trường hợp này, vui lòng cho biết đơn vị có thể đáp ứng được cam kết về đa dạng sinh học của EVFTA/CPTPP hay không ?

(Vui lòng đánh dấu (X) vào ô thích hợp sau đây)



- ☐ Đáp ứng cam kết về đa dạng sinh học
- ☐ Chưa đáp ứng cam kết về đa dạng sinh học

17. Ông/Bà có biết cam kết về quản lý tài nguyên rừng bền vững và thương mại lâm sản của EVFTA/CPTPP

(Vui lòng đánh dấu (X) vào ô thích hợp sau đây)

- ☐ Chưa biết cam kết về quản lý tài nguyên rừng bền vững và thương mại lâm sản
- ☐ Đã biết cam kết về quản lý tài nguyên rừng bền vững và thương mại lâm sản

Nếu lựa chọn trường hợp này, vui lòng cho biết đơn vị có thể đáp ứng được cam kết về quản lý tài nguyên rừng bền vững và thương mại lâm sản của EVFTA/CPTPP hay không ?

(Vui lòng đánh dấu (X) vào ô thích hợp sau đây)

- ☐ Đáp ứng cam kết về quản lý tài nguyên rừng bền vững và thương mại lâm sản
- ☐ Chưa đáp ứng cam kết về quản lý tài nguyên rừng bền vững và thương mại lâm sản

18. Ông/Bà đánh giá thế nào về **tác động chung của các FTA** tới kết quả hoạt động/kinh doanh thực tế của Đơn vị mình trong khoảng 5 năm trở lại đây?

(Vui lòng đánh dấu vào 01 lựa chọn phù hợp ở mỗi dòng)

- ☐ ĐÃ CÓ tác động đến kết quả hoạt động/kinh doanh của Đơn vị tôi

Nếu lựa chọn trường hợp này, vui lòng cho biết rõ hơn về mức độ tác động của các FTA đến Đơn vị của bạn? (Vui lòng đánh dấu vào 01 lựa chọn phù hợp)

- ☐ Tác động rất tích cực
- ☐ Tác động tương đối tích cực
- ☐ Tác động lợi – hại ngang bằng
- ☐ Tác động tương đối bất lợi
- ☐ Tác động rất bất lợi
- ☐ Hoàn toàn KHÔNG CÓ tác động nào đến kết quả hoạt động/kinh doanh của Đơn vị tôi
- ☐ KHÔNG BIẾT có tác động hay không
- ☐ Ý kiến cụ thể khác:

19. Đơn vị của Ông/Bà hiện tại đang vận dụng/ khai thác lợi ích từ các FTA nào? [có thể chọn đánh dấu (X) đồng thời nhiều phương án]

FTA	Đang vận dụng/khai thác lợi ích
1. EVFTA (VN-EU 27 nước)	
2. CPTPP (VN+10)	
3. RCEP (Asean+5)	
4. UKVFTA (FTA VN-Anh)	
5. EAEU (FTA VN-Liên minh Kinh tế Á-Âu)	



6. VCFTA (FTA VN-Chile)	
7. Các FTA ASEAN (ATIGA, AFAS, ACIA)	
8. ACFTA (FTA ASEAN-Trung Quốc)	
9. AIFTA (FTA ASEAN-Ấn Độ)	
10. AANZFTA (FTA ASEAN-Australia-New Zealand)	
11. AJCEP (FTA ASEAN-Nhật Bản)	
12. VJEPA (FTA VN-Nhật Bản)	
13. AKFTA (FTA ASEAN-Hàn Quốc)	
14. VKFTA (FTA VN-Hàn Quốc)	
15. AHKFTA (FTA ASEAN-HONGKONG)	

20. Về việc tham gia vào công tác xây dựng, soạn thảo quy định nội luật hóa và tuyên truyền các FTA của Bộ ngành/Chính phủ và của tỉnh Lâm đồng

	Có	Không
Đơn vị của Ông/Bà có được mời tham gia vào quy trình tham vấn với Bộ ngành/Chính phủ về nội dung các FTA không?	☐	☐
Đơn vị của Ông/Bà có được mời tham gia vào quy trình tham vấn với Bộ ngành/Chính phủ về soạn thảo quy định nội luật hóa các cam kết và thực thi các FTA không?	☐	☐
Đơn vị của Ông/Bà có được Bộ ngành/Chính phủ phổ biến tuyên truyền nội dung của các FTA không?	☐	☐
Đơn vị của Ông/Bà có được Sở ngành, địa phương tại tỉnh phổ biến tuyên truyền nội dung của các FTA không?	☐	☐

21. Về công tác tìm hiểu và phổ biến các FTA của các Đơn vị

	Có	Không
Đơn vị của Ông/Bà có chủ động đăng ký tham gia các buổi tuyên truyền, đào tạo của các Bộ ngành, địa phương và hiệp hội không?	☐	☐



Đơn vị của Ông/Bà có chủ động đăng ký các khóa đào tạo về FTA của cơ sở giáo dục không?	☐	☐
Đơn vị của Ông/Bà có chủ động liên hệ Bộ ngành, địa phương khi cần sự hỗ trợ về FTA không?	☐	☐
Đơn vị của Ông/Bà có chủ động liên hệ với các nhà tư vấn/chuyên gia khi cần sự hỗ trợ về FTA không?	☐	☐

22. Đánh giá chung về hiệu quả thực thi các FTA với hoạt động/kinh doanh của các Đơn vị

	Mức độ kỳ vọng			
	Bất lợi	Bình thường	Tương đối tích cực	Tích cực
1. EVFTA (VN-Liên minh 27 nước Châu Âu)	☐	☐	☐	☐
2. CPTPP (VN+10)	☐	☐	☐	☐
3. RCEP (Asean+5)	☐	☐	☐	☐
4. UKVFTA (VN-Anh)	☐	☐	☐	☐
5. EAEU (FTA VN-Liên minh Kinh tế Á-Âu)	☐	☐	☐	☐
6. VCFTA (FTA VN-Chile)	☐	☐	☐	☐
7. Các FTA ASEAN (ATIGA, AFAS, ACIA)	☐	☐	☐	☐
8. ACFTA (FTA ASEAN-Trung Quốc)	☐	☐	☐	☐
9. AIFTA (FTA ASEAN-Ấn Độ)	☐	☐	☐	☐
10. AANZFTA (FTA ASEAN-Australia-New Zealand)	☐	☐	☐	☐
11. AJCEP (FTA ASEAN-Nhật Bản)	☐	☐	☐	☐



12. VJEPA (FTA VN-Nhật Bản)	☐	☐	☐	☐
13. AKFTA (FTA ASEAN- Hàn Quốc)	☐	☐	☐	☐
14. VKFTA (FTA VN-Hàn Quốc)	☐	☐	☐	☐
15. AHKFTA (FTA ASEAN- HONGKONG)	☐	☐	☐	☐

23. Lợi ích mà các FTA mang lại cho Đơn vị Ông/Bà [có thể chọn đồng thời]

☐ Ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang thị trường các nước tham gia FTA
☐ Ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu từ các nước tham gia FTA
☐ Lợi thế về xuất xứ hàng hóa khi xuất khẩu sang thị trường các nước tham gia FTA
☐ Lợi thế về xuất xứ hàng hóa khi nhập khẩu từ các nước tham gia FTA
☐ Liên kết, hợp tác với đối tác nước ngoài tận dụng FTA
☐ Tham gia gói thầu công ở thị trường các nước tham gia FTA
☐ Tiếp cận thị trường dịch vụ, đầu tư các nước tham gia FTA nhằm tận dụng cơ hội FTA
☐ Quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ cao hơn theo FTA
☐ Thủ tục hải quan thuận lợi hơn
☐ Các biện pháp cải cách hành chính, chính sách, pháp luật ở Việt Nam để thực thi FTA
☐ Lợi ích khác, ghi rõ:

24. Những lý do cản trở Đơn vị của Ông/bà hưởng lợi từ FTA trong thời gian qua [có thể chọn đồng thời]

☐ Giao dịch không liên quan tới cam kết FTA/đã hưởng ưu đãi khác phù hợp hơn
☐ Không biết có lợi ích gì từ FTA để tận dụng
☐ Không đủ điều kiện để hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA



☐ Không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng,... để xuất khẩu sang thị trường các nước tham gia FTA
☐ Văn bản thực thi của Việt Nam ban hành chậm trễ, khó hiểu
☐ Gặp vướng mắc khi làm thủ tục hải quan cho hàng xuất khẩu
☐ Gặp vướng mắc khi làm thủ tục hải quan cho hàng nhập khẩu vào Việt Nam
☐ Gặp vướng mắc khi làm thủ tục kiểm tra chuyên ngành cho hàng xuất khẩu nhập khẩu vào Việt Nam
☐ Gặp vướng mắc khi liên hệ/làm thủ tục với các cơ quan khác của Việt Nam
☐ Gặp vướng mắc khi liên hệ/làm thủ tục với các cơ quan của nước FTA
☐ Khác, ghi rõ:

25. Những bất lợi mà các FTA gây ra cho Đơn vị của Ông/bà [có thể chọn đồng thời]

☐ Sản phẩm của doanh nghiệp phải cạnh tranh gay gắt hơn ở thị trường Việt Nam
☐ Không đáp ứng quy tắc xuất xứ hàng hóa theo FTA để hưởng ưu đãi thuế quan
☐ Các hàng rào bảo vệ sản xuất nội địa phải dỡ bỏ theo cam kết
☐ Sản phẩm mà doanh nghiệp nhập khẩu từ các nước không tham gia FTA cạnh tranh kém hơn so với hàng nhập khẩu từ các nước tham gia FTA trên thị trường Việt Nam
☐ Mất thêm chi phí tuân thủ cho các cam kết tiêu chuẩn cao của FTA (về sở hữu trí tuệ, về lao động, môi trường,...)
☐ Bất lợi khác, ghi rõ:

B. THỰC TẾ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH/HTX VỚI CÁC NƯỚC THAM GIA FTA (DÀNH RIÊNG CHO ĐƠN VỊ CÓ HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU)

26. Tình hình xuất nhập khẩu với các thị trường FTA của Đơn vị

FTA	Mức độ	
	Chưa có giao dịch	Có giao dịch
1. EVFTA (VN-Liên minh 27 nước Châu Âu)	☐	☐



2. CPTPP (VN+10)	☐	☐
3. RCEP (Asean+5)	☐	☐
4. UKVFTA (VN-Anh)	☐	☐
5. EAEU (FTA VN-Liên minh Kinh tế Á-Âu)	☐	☐
6. VCFTA (FTA VN-Chile)	☐	☐
7. Các FTA ASEAN (ATIGA, AFAS, ACIA)	☐	☐
8. ACFTA (FTA ASEAN-Trung Quốc)	☐	☐
9. AIFTA (FTA ASEAN-Ấn Độ)	☐	☐
10. AANZFTA (FTA ASEAN-Australia-New Zealand)	☐	☐
11. AJCEP (FTA ASEAN- Nhật Bản)	☐	☐
12. VJEPA (FTA VN-Nhật Bản)	☐	☐
13. AKFTA (FTA ASEAN- Hàn Quốc)	☒	☐
14. VKFTA (FTA VN-Hàn Quốc)	☐	☐
15. AHKFTA (FTA ASEAN- HONGKONG)	☐	☐
16. Khác, nêu rõ		

27. Tình hình tận dụng ưu đãi thuế quan FTA của Đơn vị

FTA	Mức độ	
	Đã từng tận dụng	Chưa từng tận dụng
1. EVFTA (VN-Liên minh 27 nước Châu Âu)	☐	☐
2. CPTPP (VN+10)	☐	☐
3. RCEP (Asean+5)	☐	☐
4. UKVFTA (VN-Anh)	☐	☐
5. EAEU (FTA VN-Liên minh Kinh tế Á-Âu)	☐	☐
6. VCFTA (FTA VN-Chile)	☐	☐



7. Các FTA ASEAN (ATIGA, AFAS, ACIA)	☐	☐
8. ACFTA (FTA ASEAN-Trung Quốc)	☐	☐
9. AIFTA (FTA ASEAN-Ấn Độ)	☐	☐
10. AANZFTA (FTA ASEAN-Australia-New Zealand)	☐	☐
11. AJCEP (FTA ASEAN-Nhật Bản)	☐	☐
12. VJEPA (FTA VN-Nhật Bản)	☐	☐
13. AKFTA (FTA ASEAN-Hàn Quốc)	☐	☐
14. VKFTA (FTA VN-Hàn Quốc)	☐	☐
15. AHKFTA (FTA ASEAN-HONGKONG)	☐	☐
16. Khác, nêu rõ		

28. Những lý do từng cản trở Đơn vị tận dụng ưu đãi thuế quan FTA [có thể chọn đồng thời]

☐ Đã hưởng ưu đãi thuế theo FTA khác có lợi hơn
☐ Thuế nhập khẩu thông thường đã là 0%
☐ Không biết là có ưu đãi thuế quan theo FTA
☐ Nguồn nguyên liệu, quy trình sản xuất không đáp ứng được Quy tắc xuất xứ FTA
☐ Không xin được chứng nhận xuất xứ C/O FTA do thiếu giấy tờ, vướng mắc về thủ tục, không kịp thời hạn,...
☐ Không đáp ứng được các yêu cầu về hàng rào phi thuế quan khác
☐ Giấy tờ vận chuyển không đáp ứng được yêu cầu
☐ Lý do khác, nêu rõ:



C. CÁC FTA VÀ ĐẠI DỊCH COVID-19, CÁC DIỄN BIẾN MỚI CỦA TÌNH HÌNH (CẢNG THẮNG THƯƠNG MẠI HOA KỲ- TRUNG QUỐC; XUNG ĐỘT NGA-UKRAINA; ...)

29. Dự kiến hoạt động/kinh doanh của Đơn vị giai đoạn bình thường mới hậu COVID-19 [có thể chọn đồng thời]

☐ Mở rộng quy mô hoạt động so với hiện tại
☐ Tiếp tục hoạt động bình thường
☐ Chuyển đổi sang lĩnh vực khác, làm thêm lĩnh vực mới
☐ Hoạt động cầm chừng, tùy hình hình
☐ Tạm dừng hoạt động
☐ Chấm dứt vĩnh viễn hoạt động
☐ Khác, nêu rõ:

30. Vai trò của các FTA trong hạn chế tác động bất lợi của COVID-19 tới hoạt động/kinh doanh của Đơn vị bạn [có thể chọn đồng thời]

	UKVFTA	EVFTA	RCEP	CPTPP	FTA khác
Rất hữu ích	☐	☐	☐	☐	☐
Tương đối hữu ích	☐	☐	☐	☐	☐
Không có ý nghĩa gì	☐	☐	☐	☐	☐
Tương đối bất lợi	☐	☐	☐	☐	☐
Rất bất lợi	☐	☐	☐	☐	☐
Chưa đánh giá được	☐	☐	☐	☐	☐



D. FTA VÀ TƯƠNG LAI HOẠT ĐỘNG/KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH/HTX

31. Kỳ vọng của Đơn vị bạn vào các lợi ích cụ thể của các FTA với hoạt động/kinh doanh trong tương lai xa (5-10 năm tới) [có thể chọn đồng thời]

Mức độ kỳ vọng Lợi ích	Rất kỳ vọng	Kỳ vọng tương đối	Kỳ vọng chút ít	Hoàn toàn không kỳ vọng	Không biết/Không quan tâm
Nguồn cung rẻ hơn từ các đối tác FTA	☐	☐	☐	☐	☐
Ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang thị trường FTA	☐	☐	☐	☐	☐
Chi phí dịch vụ (logistics, tài chính, viễn thông...) rẻ hơn	☐	☐	☐	☐	☒
Thêm nguồn đơn hàng, khách hàng...	☐	☐	☐	☐	☐
Cơ hội tham gia, tăng giá trị trong chuỗi giá trị toàn cầu	☐	☐	☐	☐	☐
Cơ hội hợp tác, liên doanh với các đối tác nước ngoài	☐	☐	☐	☐	☐
Môi trường kinh doanh ở VN sẽ được cải thiện	☐	☐	☐	☐	☐
Các thủ tục xuất, nhập khẩu thuận lợi, ít tốn kém hơn	☐	☐	☐	☐	☐
Khác, nêu rõ					

32. Kỳ vọng của Đơn vị bạn vào các lợi ích của các FTA với các hoạt động/kinh doanh trong tương lai xa (5-10 năm tới) [có thể chọn đồng thời]

☐ Môi trường kinh doanh ở VN sẽ được cải thiện
☐ Cơ hội hợp tác, liên doanh với các đối tác nước ngoài
☐ Cơ hội tham gia, tăng giá trị trong chuỗi giá trị toàn cầu
☐ Thêm nguồn đơn hàng, khách hàng...
☐ Các thủ tục XNK ở VN sẽ thuận lợi, ít tốn kém hơn
☐ Chi phí dịch vụ (logistics, tài chính, viễn thông...) rẻ hơn



☐ Ưu đãi thuế khi XK sang thị trường FTA

☐ Nguồn cung rẻ hơn từ các đối tác FTA

☐ Khác, nêu rõ:

33. Những yếu tố có thể cản trở Đơn vị của Ông/Bà hiện thực hóa các lợi ích kỳ vọng từ các FTA trong tương lai (5-10 năm tới) [có thể chọn đồng thời]

☐ Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp còn hạn chế

☐ Môi trường kinh doanh chưa thuận lợi

☐ Thiếu thông tin cụ thể về các cam kết và cách thức áp dụng

☐ Quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi FTA khó đáp ứng

☐ Các hướng điều chỉnh kinh doanh mà doanh nghiệp

☐ Một số cam kết FTA bất lợi cho doanh nghiệp

☐ Bất cập trong công tác tổ chức thực thi FTA của cơ quan Nhà nước

☐ Khác, nêu rõ:

34. Các hướng điều chỉnh hoạt động/ kinh doanh mà Đơn vị của Ông/Bà đã chuẩn bị cho các FTA [có thể chọn đồng thời]

☐ Đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý cho lãnh đạo doanh nghiệp

☐ Đào tạo nâng cao chuyên môn cho người lao động

☐ Đạt các tiêu chuẩn quốc tế về lao động

☐ Tham gia các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu

☐ Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến thương mại

☐ Chuyển đổi nguồn đầu vào, quy trình SX để đáp ứng điều kiện của các FTA

☐ Chuyển đổi sản xuất để nâng giá trị gia tăng

☐ Tổ chức lại sản xuất



☐ Đạt chứng nhận môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm
☐ Cải thiện công nghệ
☐ Cải thiện chất lượng sản phẩm
☐ Tăng vốn đầu tư
☐ Khác, nêu rõ:

35. Lý do khiến Đơn vị của Ông/Bà không thực hiện một số các điều chỉnh cần thiết khác để chuẩn bị cho các FTA [có thể chọn đồng thời]

☐ Kế hoạch kinh doanh hiện đã đủ để ứng phó cơ hội/thách thức
☐ Không thấy có cơ hội/thách thức gì lớn đến mức phải đầu tư để điều chỉnh
☐ Không tin là việc điều chỉnh có thể giúp doanh nghiệp có cơ hội hơn/khắc phục khó khăn tốt hơn
☐ Biết điều chỉnh là tốt, nhưng không đủ năng lực nguồn lực để điều chỉnh, không biết điều chỉnh thế nào
☐ Khác, nêu rõ: (VD: Đã thực hiện mọi điều chỉnh cần thiết, ...)

III. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TẬN DỤNG CƠ CHẾ ƯU ĐÃI TỪ CÁC FTA CỦA VIỆT NAM VÀ MONG MUỐN CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH/HTX

36. Dưới đây là những phát biểu đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến tận dụng cơ chế ưu đãi từ các FTA của Việt Nam. Xin Ông/bà vui lòng cho chúng tôi biết mức độ đồng ý của Ông/Bà với mỗi phát biểu sau đây bằng cách **khoanh tròn** vào các câu trả lời theo quy ước



1 – Hoàn toàn không đồng ý	2 – Không đồng ý	3 – Không ý kiến	4 – Đồng ý	5 – Hoàn toàn đồng ý	
Nội dung phát biểu			Mức độ đồng ý		
Hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp thường xuyên xin được chứng nhận xuất xứ ưu đãi	1	2	3	4	5
Việc đáp ứng quy tắc xuất xứ để được hưởng ưu đãi là khó	1	2	3	4	5
Thời gian xin chứng nhận xuất xứ để được hưởng ưu đãi lâu	1	2	3	4	5
Chi phí xin chứng nhận xuất xứ để được hưởng ưu đãi lớn	1	2	3	4	5
Quá trình xin chứng nhận xuất xứ ưu đãi phức tạp	1	2	3	4	5
Có nhiều rào cản phi thuế quan	1	2	3	4	5
Hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp đáp ứng tốt các điều kiện để được hưởng ưu đãi từ các FTA	1	2	3	4	5
Chúng tôi hiểu rõ về những ưu đãi mà các FTA sẽ cung cấp tại thị trường xuất nhập khẩu của mình	1	2	3	4	5
Sản lượng xuất nhập khẩu của doanh nghiệp sang/từ các thị trường đối tác FTA của Việt Nam tăng mạnh	1	2	3	4	5
Tận dụng cơ chế ưu đãi từ FTA giúp sản phẩm của doanh nghiệp nâng cao tính cạnh tranh về giá	1	2	3	4	5
Tận dụng cơ chế ưu đãi từ FTA giúp doanh nghiệp đẩy mạnh xuất nhập khẩu	1	2	3	4	5
Tận dụng cơ chế ưu đãi từ FTA giúp doanh nghiệp cải thiện môi trường kinh doanh ở nước ngoài	1	2	3	4	5
Tận dụng cơ chế ưu đãi từ FTA giúp doanh nghiệp tăng khả năng tiếp cận thị trường nước ngoài	1	2	3	4	5
Tỷ trọng xuất nhập khẩu sang/từ thị trường FTA của doanh nghiệp là lớn	1	2	3	4	5
Doanh nghiệp có nhiều đại diện thương mại tại nước ngoài	1	2	3	4	5
Doanh nghiệp/Hộ kinh doanh/HTX có nhiều hợp đồng xuất nhập khẩu	1	2	3	4	5
Chúng tôi thường xuyên nhận được hỗ trợ về chính sách để tận dụng cơ chế ưu đãi từ FTA	1	2	3	4	5
Chúng tôi thường xuyên nhận được hỗ trợ về thông tin để tận dụng cơ chế ưu đãi từ Chính phủ	1	2	3	4	5

Lãnh đạo doanh nghiệp luôn khuyến khích xuất nhập khẩu tận dụng cơ chế ưu đãi từ FTA	1	2	3	4	5
Lãnh đạo doanh nghiệp rất quan tâm tới tận dụng cơ chế ưu đãi từ FTA	1	2	3	4	5
Lãnh đạo doanh nghiệp có thái độ tích cực với việc tận dụng cơ chế ưu đãi từ FTA	1	2	3	4	5
Chúng tôi thường xuyên nhận được hỗ trợ tài chính về tận dụng cơ chế ưu đãi từ Bộ ngành-Chính phủ; địa phương	1	2	3	4	5
Chúng tôi thường xuyên nhận được hỗ trợ khác về tận dụng cơ chế ưu đãi từ Bộ ngành-Chính phủ; địa phương	1	2	3	4	5
Chúng tôi luôn thu thập thông tin và kiến thức về tận dụng cơ chế ưu đãi từ các FTA	1	2	3	4	5
Chúng tôi luôn chủ động tham dự các khóa đào tạo hoặc các buổi hội thảo liên quan tới tận dụng cơ chế ưu đãi từ các FTA	1	2	3	4	5
Chúng tôi luôn xin lời khuyên và tư vấn từ chuyên gia về tận dụng cơ chế ưu đãi từ các FTA	1	2	3	4	5
Thông tin và kiến thức về tận dụng cơ chế ưu đãi từ các FTA luôn được doanh nghiệp lưu trữ	1	2	3	4	5
Trong doanh nghiệp, thông tin và kiến thức về tận dụng cơ chế ưu đãi từ các FTA luôn được chia sẻ rộng rãi	1	2	3	4	5
Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn tận dụng ưu đãi từ FTA rất phức tạp	1	2	3	4	5

37. (DÀNH CHO ĐƠN VỊ CÓ KINH DOANH XNK). Tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan từ các FTA của doanh nghiệp/hộ kinh doanh/HTX (tỉ trọng hàng hóa của XNK được hưởng ưu đãi từ FTA/tổng hàng hóa XNK)

[illegible]



38. Theo Ông/Bà, nguyên nhân đối với các Đơn vị chưa/không tận dụng cơ chế ưu đãi [có thể chọn đồng thời]

☐ Thiếu thông tin về FTA
☐ Không đáp ứng quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi từ FTA
☐ Giá trị hàng hóa giao dịch không đáng kể
☐ Không có khác biệt lớn giữa thuế ưu đãi FTA và thuế thông thường
☐ Thời gian và chi phí cấp chứng nhận xuất xứ ưu đãi lớn
☐ Thủ tục cấp chứng nhận xuất xứ ưu đãi ưu đãi phức tạp
☐ Hàng rào phi thuế quan và các biện pháp kỹ thuật phức tạp
☐ Rào cản về ngôn ngữ/văn hóa tại thị trường mới
☐ Khác, nêu rõ:

39. Hãy cho biết ý kiến của Ông/Bà về giải pháp cần thiết để nâng cao tận dụng cơ chế ưu đãi từ các FTA [có thể chọn nhiều]

☐ Cung cấp thêm thông tin cụ thể hơn về FTA và cơ chế ưu đãi từ FTA theo từng nhóm, ngành hàng
☐ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp
☐ Xây dựng phần mềm hỗ trợ doanh nghiệp kiểm tra khả năng tận dụng ưu đãi
☐ Đẩy mạnh xúc tiến thương mại
☐ Đẩy nhanh quá trình công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn và kiểm tra
☐ Phát triển công nghiệp hỗ trợ
☐ Cải thiện quy trình hải quan
☐ Hỗ trợ ngân sách để nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp
☐ Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật trong nước về thương mại quốc tế



**SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

- | |
|---|
| ☐ Triển khai hiệu quả hơn chính sách, pháp luật hiện hành trong nước về thương mại quốc tế |
| ☐ Kiến nghị Chính phủ đàm phán các FTA mới/Đàm phán lại các FTA đã tham gia |
| ☐ Giới thiệu chuyên gia, nhà tư vấn để hỗ trợ doanh nghiệp/hộ kinh doanh khi cần |

*** KIẾN NGHỊ KHÁC CỦA QUÝ TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH/HTX:**

40. Từ phía Tổ chức, Doanh nghiệp/Hộ kinh doanh/HTX của Quý Ông/Bà thì cần làm gì để có thể tận dụng tối đa ưu đãi do các FTA mang lại đối với ngành hàng XNK của mình?

.....

.....

.....

.....

.....

41. Từ phía Chính phủ, Bộ ngành, địa phương, cần làm gì để hỗ trợ Tổ chức, Doanh nghiệp/Hộ kinh doanh/HTX có thể tận dụng tối đa lợi thế, ưu đãi do các FTA mang lại?

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn Quý Ông/ Bà đã tham gia khảo sát!

LIÊN HỆ:



**SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: Tầng 5, Khu C, Trung Tâm Hành Chính Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, Phường 4, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: +84-263-3822295 Fax: +84-263-3828953

Email: sct@lamdong.gov.vn

Cán bộ phụ trách khảo sát và hướng dẫn, giải đáp chi tiết:

Ông/Bà:

Điện thoại:.....

Email: